

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

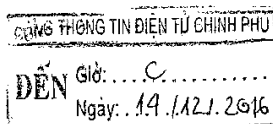
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2372/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 88/TTr-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 381 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và 19 tỉnh, thành phố: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Cà Mau, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Vĩnh Phúc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :

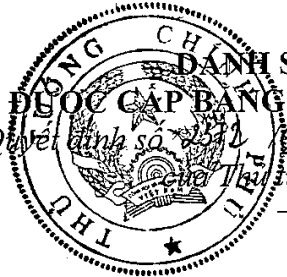
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp,
- TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (10 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

73





**DANH SÁCH LIỆT SĨ
ĐƯỢC CẤP BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"**

(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Trần Văn Hình

Trung tá Công an nhân dân, nguyên quán: xã Ninh Sơn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 01 năm 2016.

BỘ QUỐC PHÒNG

2. Liệt sĩ: Hoàng Công Sin

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

3. Liệt sĩ: Vũ Duy Ninh (Vũ Duy Sơn)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 02 năm 1953.

4. Liệt sĩ: Đỗ Văn Long

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 2015.

5. Liệt sĩ: Lương Văn Sóng

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trùng Quán, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 2012.

6. Liệt sĩ: Rơ Lan Phúc

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ia Pnôn, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 3 năm 2016.

7. Liệt sĩ: Nguyễn Phúc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: Xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 12 năm 2014.

8. Liệt sĩ: Trần Ngọc Chấn (Trần Văn Củng)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1951.

9. Liệt sĩ: Trần Ngọc Dung

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1965.

10. Liệt sĩ: Trần Đại Tiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1967.

11. Liệt sĩ: Nguyễn Quốc Chùng

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 7 năm 1952.

12. Liệt sĩ: Vũ Ngọc Mạnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 2016.

13. Liệt sĩ: Cao Xuân Hiều

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

14. Liệt sĩ: Võ Khắc Kế

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1948.

15. Liệt sĩ: Cao Nghiêu

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

16. Liệt sĩ: Lê Văn Yết

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thông Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1947.

17. Liệt sĩ: Lê Nho Giàu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1968.

18. Liệt sĩ: Trương Quốc Vương

Tiểu đội trưởng đội trinh sát Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 2007.

19. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thắng

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 12 năm 2015.

20. Liệt sĩ: Đàm Văn Chất

Đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 4 năm 2016.

21. Liệt sĩ: A Xanh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam nguyên quán: xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

22. Liệt sĩ: Nguyễn Sông Cầu

Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 2015.

23. Liệt sĩ: Cao Xuân Tú

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 8 năm 2016.

24. Liệt sĩ: Lê Ngọc Kỳ

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 6 năm 1949.

25. Liệt sĩ: Võ Văn Hiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1954.

26. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Ngân

Tiểu đội trưởng, nguyên quán: xã Tam Trà, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1968.

27. Liệt sĩ: Âu Thạnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quế Long, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1967.

28. Liệt sĩ: Đặng Văn Yết

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1966.

29. Liệt sĩ: Phạm Hôn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1966.

30. Liệt sĩ: Trần Đức Liêm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1965.

31. Liệt sĩ: Đỗ Thị Thanh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Phú, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1969.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Tân Phước

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1960.

33. Liệt sĩ: Nguyễn Truyền

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1966.

34. Liệt sĩ: Trương Công Phúc

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968.

35. Liệt sĩ: Trần Chung

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1974.

36. Liệt sĩ: Hoàng Văn Tá

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 2015.

37. Liệt sĩ: Lê Hòa Bình

Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã A Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 2015.

38. Liệt sĩ: Lò Văn Đồng

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 2015.

39. Liệt sĩ Thái Đình Mân

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1951.

TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

40. Liệt sĩ: Phan Văn Tòng

Cán bộ Ban Kinh tài huyện, nguyên quán: tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1971.

TỈNH BẮC GIANG

41. Liệt sĩ: Đỗ Mạnh Tuấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 2016.

42. Liệt sĩ Nguyễn Thị Bốn

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 02 năm 1952.

TỈNH BẾN TRE

43. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hào*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 3 năm 1985.

44. Liệt sĩ: Lê Văn Định*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 9 năm 1975.

45. Liệt sĩ: Lê Văn Trọng*

Chiến sĩ du kích xã, nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1974.

46. Liệt sĩ: Lê Văn Răng*

Cơ sở nội tuyến, nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1972.

47. Liệt sĩ: Lê Văn Thuận*

Cán bộ nông dân tỉnh, nguyên quán: Xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1971.

48. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ngôn*

Chiến sĩ đấu tranh chính trị, nguyên quán: xã Bình Đại A, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1954.

49. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tất*

Nhân viên quân báo, nguyên quán: Xã Bình Khánh Tây, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 01 năm 1977.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phán*

Tiểu đội phó bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969.

51. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nam*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971.

52. Liệt sĩ: Mai Văn Kệt*

Thương binh an dưỡng hạng 7/8 cũ, nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1973.

53. Liệt sĩ: Trần Văn An*

Phó ban thủy lâm, nguyên quán: thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1948.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cái*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Ngãi Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969.

55. Liệt sĩ: Trần Văn Lại*

Chiến sĩ cộng hòa vệ binh, nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1945.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mai*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1965.

57. Liệt sĩ: Trần Văn Tòng*

Chiến sĩ bưu điện tỉnh, nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971.

58. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Đài*

Phó phòng cảnh sát ty công an Gò Công, nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1950.

59. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thệp*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1970.

60. Liệt sĩ: Võ Văn Chà*

Du kích xã, nguyên quán: Xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 7 năm 1954.

61. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ân*

Du kích xã, nguyên quán: xã Sơn Đông, Thành Phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 8 năm 1982.

62. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé*

Áp đội phó du kích xã, nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972.

63. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lăng*

Tổ trưởng kinh tài ấp, nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 2 năm 1946.

64. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lộc*

Trung đội trưởng đặc công huyện, nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

65. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khánh*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 16 tháng 6 năm 1936.

66. Liệt sĩ: Bùi Văn Nghiêm*

Tiểu đội liên lạc công an xung phong, nguyên quán: xã Bình Phú, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1946.

TỈNH BÌNH ĐỊNH

67. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Khương*

Trưởng ban kiểm soát Hợp tác xã nông nghiệp, nguyên quán: xã Nhơn Bình, huyện Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 9 năm 1980.

68. Liệt sĩ: Nguyễn Tấn Thắng*

Công dân, nguyên quán: xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1964.

TỈNH CÀ MAU

69. Liệt sĩ: Liêu Thanh Hùng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tạ An Khương Nam, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1972.

70. Liệt sĩ: Trần Văn Đốc*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trần Hội, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

71. Liệt sĩ: Đỗ Viết Cự (Đỗ Khoa)

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 3 năm 1946.

TỈNH ĐỒNG THÁP

72. Liệt sĩ: Phan Văn Giàu

Công dân, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 2012.

73. Liệt sĩ: Võ Văn Hoa

Tuyên truyền viên cơ sở binh vận huyện, nguyên quán: xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1948.

TỈNH HÀ NAM

74. Liệt sĩ: Lê Hồng Nguyên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 2011.

75. Liệt sĩ: Đặng Sỹ Tuân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 2015.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

76. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thìn

Du kích xã, nguyên quán: xã Văn Hoàng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954.

77. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lung

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 6 năm 2016.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Viện

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 2016.

79. Liệt sĩ: Trần Viết Miêu*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972.

TỈNH HÀ TĨNH

80. Liệt sĩ: Phạm Đình Thìn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hương Minh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

81. Liệt sĩ: Dương Văn Ráng*

Trợ lý tuyên huấn Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972.

82. Liệt sĩ: Đinh Công Thấu*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1968.

83. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Ký

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 2014.

84. Liệt sĩ Phạm Văn Phụng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 2014.

85. Liệt sĩ Nguyễn Tiến Bệt

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 2012.

TỈNH NAM ĐỊNH

86. Liệt sĩ: Trần Văn Phường

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 2015.

87. Liệt sĩ: Mai Văn Hoa

Du kích xã, nguyên quán: xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1954.

88. Liệt sĩ: Đỗ Văn Toàn

Du kích xã, nguyên quán: xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1953.

89. Liệt sĩ: Ninh Văn Rật (Tùy)

Du kích xã, nguyên quán: xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1953.

90. Liệt sĩ: Bùi Văn Đồng

Du kích xã, nguyên quán: xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1953.

91. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến Sỹ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Toàn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1966.

92. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Toàn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1966.

93. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tú*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968.

94. Liệt sĩ: Vũ Ngọc Tuấn*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Khu Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 02 năm 1976.

95. Liệt sĩ: Trần Văn Quỹ*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 2 năm 1968.

96. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mật*

Xã viên hợp tác xã thuyền buồm Thành Nam, nguyên quán: phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1967.

97. Liệt sĩ: Đặng Kỳ Phùng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1954.

98. Liệt sĩ: Đặng Đình Ngũ*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970.

99. Liệt sĩ: Đặng Văn Dụng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968.

100. Liệt sĩ: Trần Văn Hiền*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1966.

101. Liệt sĩ: Trần Văn Ngoạn (Ngoạn)*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968.

102. Liệt sĩ: Trần Huy Bích*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968.

103. Liệt sĩ: Trần Văn Thụy*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1966.

104. Liệt sĩ: Trần Văn Quyên*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972.

105. Liệt sĩ: Tống Văn Ích*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968.

106. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Việt*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1969.

107. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhân*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 8 năm 1969.

108. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đức*

B phó lái xe Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 02 năm 1985.

109. Liệt sĩ: Trần Khắc Thuộc*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966.

110. Liệt sĩ: Phạm Văn Thân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969.

111. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Ba*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1972.

112. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Tố*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 4 năm 1954.

113. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Uyên*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968.

114. Liệt sĩ: Phạm Văn Thắng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967.

115. Liệt sĩ: Đoàn Đình Phương*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1969.

116. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bình*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968.

117. Liệt sĩ: Trịnh Văn Kha*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1967.

118. Liệt sĩ: Đỗ Quốc Bình*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Chính, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975.

119. Liệt sĩ: Phạm Hoàng Long*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 6 năm 1986.

120. Liệt sĩ: Trần Văn Bổng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thịnh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1967.

121. Liệt sĩ: Lại Văn Ty*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 4 năm 1954.

122. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Giác*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968.

123. Liệt sĩ: Phạm Văn Các*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968.

124. Liệt sĩ: Cao Danh Bao*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1974.

125. Liệt sĩ: Doãn Đình Dũng*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 12 năm 1978.

126. Liệt sĩ: Đỗ Văn Lãm*

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1975.

127. Liệt sĩ: Phạm Văn Thừa*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968.

128. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tứ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 04 năm 1970.

129. Liệt sĩ: Lê Văn Phô*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1960.

130. Liệt sĩ: Bùi Văn Tân*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1971.

131. Liệt sĩ: Ngô Hồng Điệp*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 8 năm 1975.

132. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đàn*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1970.

133. Liệt sĩ: Phạm Xuân Tăng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1967.

134. Liệt sĩ: Vũ Mạnh Sáng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1967.

135. Liệt sĩ: Chu Văn Đàm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1972.

136. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lực*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1973.

137. Liệt sĩ: Phạm Văn Tam*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Phong, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968.

138. Liệt sĩ: Phạm Quang Bảo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1968.

139. Liệt sĩ: Đỗ Quốc Định*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969.

140. Liệt sĩ: Đặng Văn Tập*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969.

141. Liệt sĩ: Lương Xuân Bên*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968.

142. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Sửu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1968.

143. Liệt sĩ: Đặng Sĩ Mai*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 9 năm 1949.

144. Liệt sĩ: Cao Văn Phong*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1970.

145. Liệt sĩ: Đinh Công Tuấn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969.

146. Liệt sĩ: Lê Văn Hoài*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972.

TỈNH NINH BÌNH

147. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hợp*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 14 tháng 12 năm 1969.

148. Liệt sĩ: Lê Ngọc Chiểu*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 12 năm 1967.

149. Liệt sĩ: Đỗ Đức Ngọ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1973.

150. Liệt sĩ: Đỗ Văn Chí*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1966.

151. Liệt sĩ: Tạ Thanh Lạc*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969.

152. Liệt sĩ: Phạm Minh Đường

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 4 năm 2016.

153. Liệt sĩ: Đỗ Khoa Thi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 2015.

154. Liệt sĩ: Đỗ Quốc Thuyết*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoá Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977.

155. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Cân*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 01 năm 1978.

156. Liệt sĩ Phạm Hồng Nga*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970.

TỈNH NGHỆ AN

157. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Dục*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1963.

158. Liệt sĩ: Đinh Văn Du*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967.

159. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhân*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967.

160. Liệt sĩ: Thái Đắc Lập*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bài Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968.

161. Liệt sĩ: Nguyễn Sỹ Chính*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bài Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1971.

162. Liệt sĩ: Đặng Sỹ Long*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1968.

163. Liệt sĩ: Thái Đình Quang*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968.

164. Liệt sĩ: Bùi Trọng Phiệt*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1968.

165. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Thiết*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1979.

166. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bính*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968.

167. Liệt sĩ: Trần Vĩnh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bạch Ngọc, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 01 năm 1954.

168. Liệt sĩ: Hoàng Văn Phiên*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981.

169. Liệt sĩ: Phạm Văn Hậu*

Công nhân, nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966.

170. Liệt sĩ: Nguyễn Đăng Ba*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966.

171. Liệt sĩ: Nguyễn Quốc Hường*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1968.

172. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Mỹ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967.

173. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Nghi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1967.

174. Liệt sĩ: Đặng Ngọc Cừ*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1968.

175. Liệt sĩ: Trần Công Thuận*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968.

176. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Hồng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Liêm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1968.

177. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Long*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Mỹ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1966.

178. Liệt sĩ: Lê Văn Phúc*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1979.

179. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hùng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1973.

180. Liệt sĩ: Hoàng Sỹ Lưu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965.

181. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Thống*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: đội Hạ Lưu, Nông trường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1980.

182. Liệt sĩ: Vang Văn Cường*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1970.

183. Liệt sĩ: Lô Văn Phong*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967.

184. Liệt sĩ: Lữ Kim Cường*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam nguyên quán: xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1970.

185. Liệt sĩ: Kim Văn Hạnh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1968.

186. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Xon*

Tiểu đội trưởng, nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950.

187. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Vân*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Hưng Chính, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1969.

188. Liệt sĩ: Trần Thị Thành*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Hưng Chính, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1969.

189. Liệt sĩ: Phạm Quốc Hùng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: khu phố 2 thành phố Vinh tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967.

190. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lợi*

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 01 năm 1980.

191. Liệt sĩ: Đậu Bá Hoạt*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1966.

192. Liệt sĩ: Trịnh Xuân Thịnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 01 năm 1998.

193. Liệt sĩ: Nguyễn Thung

Đội trưởng đội tự vệ, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 13 tháng 3 năm 1931.

194. Liệt sĩ: Hồ Ca

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

195. Liệt sĩ: Phạm Kỳ

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

196. Liệt sĩ: Nguyễn Côi

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

197. Liệt sĩ: Nguyễn Lạng

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

198. Liệt sĩ: Ngô Văn Ba

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

199. Liệt sĩ: Ngô Văn Hai

Thành viên đoàn biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

200. Liệt sĩ: Phan Văn Phương

Phó lý, nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

201. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Nhi

Chi ủy Đảng làng Phù Xá, nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 15 tháng 9 năm 1930.

202. Liệt sĩ: Lê Văn Đồi

Giao thông liên lạc Đảng, nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

TỈNH PHÚ THỌ

203. Liệt sĩ: Đặng Văn Trụ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 2016.

204. Liệt sĩ: Phạm Hữu Thủy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 3 năm 2016.

TỈNH THANH HÓA

205. Liệt sĩ: Phạm Công Bang

Thương binh $\frac{3}{4}$ (tỷ lệ 45%), nguyên quán: xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 8 năm 2011.

206. Liệt sĩ: Hà Văn Puốc

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1947.

207. Liệt sĩ: Trần Hữu Ốc

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 10 năm 1953.

208. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hào

Xã đội phó, nguyên quán: xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1951.

209. Liệt sĩ: Hoàng Thành Đồng

Công nhân, nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1965.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

210. Liệt sĩ: Lê Văn Thảo

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

211. Liệt sĩ: Huỳnh Sắc

Đội viên đội phòng giam bảo mật, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

212. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đầu

Đội viên đội phòng giam bảo mật, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

213. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nguyên

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

214. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thả

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

215. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoán

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

216. Liệt sĩ: Nguyễn Phước Pháp

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

217. Liệt sĩ: Nguyễn Hết

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

218. Liệt sĩ: Hồ Năm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

219. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cương

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

220. Liệt sĩ: Trần Đăng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1949.

221. Liệt sĩ: Hoàng Thảo

Dân quân xã, nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 10 năm 1952.

222. Liệt sĩ: Lê Bô

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1947.

223. Liệt sĩ: Hoàng Hụi

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

224. Liệt sĩ: Phan Phước Du

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Hương An, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1968.

225. Liệt sĩ: Hồ Phước Bằng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương An, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1947.

226. Liệt sĩ: Đào Ạng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Chữ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1951.

227. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Luyện

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 12 năm 1949.

228. Liệt sĩ: Trần Đăng Cáo

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Toàn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1949.

229. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Phùng (Chiều)

Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nông dân cứu quốc xã, nguyên quán: xã Hương Văn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1953.

230. Liệt sĩ: Võ Cầm (Xích)

Y tá cơ sở, nguyên quán: xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1968.

231. Liệt sĩ: Trần Tiêu

Dân quân du kích, nguyên quán: xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1949.

232. Liệt sĩ: Hồ Khả Huyền

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1948.

233. Liệt sĩ: Lê Hải

Bí thư huyện ủy, nguyên quán: xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1947.

234. Liệt sĩ: Lê Đình Thủy

Thôn đội trưởng, nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972.

TỈNH TRÀ VINH

235. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Ty*

Đảng viên, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 06 tháng 9 năm 1945.

236. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đăng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1963

237. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phước*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1969.

238. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Kiệt*

Ban cán sự phụ nữ ấp, nguyên quán: xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1970.

239. Liệt sĩ: Phạm Văn Bia*

Phó ban công trường, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1970.

240. Liệt sĩ: Lâm Văn Hỷ*

Đảng viên xã, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 25 tháng 6 năm 1945.

241. Liệt sĩ: Đặng Văn Nơ*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1968.

242. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lộ*

Tổ trưởng đảng, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971.

243. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mừng*

Tổ trưởng tiếp tế, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970.

244. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Văn*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1962.

245. Liệt sĩ: Mai Thị Chinh*

Cán bộ cơ sở, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1965.

246. Liệt sĩ: Lê Văn Điền*

Công an xã, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1953.

247. Liệt sĩ: Võ Văn Đô*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968.

248. Liệt sĩ: Lê Văn Bé Tư*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1973.

249. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kỳ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1967.

250. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lý*

Trung đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1985.

251. Liệt sĩ: Lê Thành Lê*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 9 năm 1981.

252. Liệt sĩ: Kim Văn Hùng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 9 năm 1982.

253. Liệt sĩ: Lê Văn Nhiều*

Trung đội phó Bưu vận khu Tây Nam Bộ, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969.

254. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Trục*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968.

255. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Kiên*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1968.

256. Liệt sĩ: Lê Văn Nho*

Phó ban đầu cầu F71, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 1976.

257. Liệt sĩ: Hồ Văn Thại*

Tổ phó an ninh ấp, nguyên quán: xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 3 năm 1970.

258. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Minh*

Công dân, nguyên quán: xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1972.

259. Liệt sĩ: Phan Thị Gái Tư*

Ủy viên tuyên huấn ban chấp hành phụ nữ xã, nguyên quán: xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967.

260. Liệt sĩ: Trần Văn Năm*

Thương binh, nguyên quán: xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 5 năm 1977.

261. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thạch*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1971.

262. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thê*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1962.

263. Liệt sĩ: Trần Văn Tư*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 3 năm 1985.

264. Liệt sĩ: Mai Văn Thuận*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968.

265. Liệt sĩ: Trần Văn Bảnh*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1977.

266. Liệt sĩ: Trần Văn Hồng*

Trưởng ban giao bưu vận tỉnh, nguyên quán: xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1969.

267. Liệt sĩ: Phan Văn Thức*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1981.

268. Liệt sĩ: Thạch Hai*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 11 năm 1988.

269. Liệt sĩ: Thạch Lợi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1985.

270. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tấn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1964.

271. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lắm*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1974.

272. Liệt sĩ: Thạch Thị Thuôn*

Giao liên xã, nguyên quán: xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1960.

273. Liệt sĩ: Lê Văn Đèo*

Dân công, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1973.

274. Liệt sĩ: Võ Tư*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1981.

275. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Một (Mạng)*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1960.

276. Liệt sĩ: Lê Minh Nhựt*

Công an xã, nguyên quán: xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969.

277. Liệt sĩ: Ông Văn Lòng*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1974

278. Liệt sĩ: Lê Thành Diễn*

Đại đội phó công trường, nguyên quán: xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1988.

279. Liệt sĩ: Thạch Thị Hương*

Cơ sở hợp pháp, nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970.

280. Liệt sĩ: Thạch Chiếp*

Giao liên xã, nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972.

281. Liệt sĩ: Thạch Bảy*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1983.

282. Liệt sĩ: Lữ Văn Nam*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967.

283. Liệt sĩ: Tiểu Văn Thành*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1950.

284. Liệt sĩ: Trần Văn Bé*

Cán bộ tuyên huấn ấp, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1970.

285. Liệt sĩ: Trần Văn Chiến*

Tiểu đội phó Công an nhân dân, nguyên quán: xã Hiệp Mỹ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968.

286. Liệt sĩ: Thạch Rằm*

Ủy viên Ban Khơ me vận xã, nguyên quán: xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1973.

287. Liệt sĩ: Trần Văn Trấn*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1970.

288. Liệt sĩ: Huỳnh Chí Hiện*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 6 năm 1978.

289. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hùng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1973.

290. Liệt sĩ: Trần Văn Cô*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1970.

291. Liệt sĩ: Bùi Văn Hỏ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967.

292. Liệt sĩ: Mai Văn Đù (Bảy Thành)*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1961.

293. Liệt sĩ: Nguyễn Hoàng Phúc*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1986.

294. Liệt sĩ: Bùi Văn Bé*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 10 năm 1980.

295. Liệt sĩ: Trần Văn Bốn*

Cán bộ an ninh xã, nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1970.

296. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dục*

Trưởng công trường xã đội, nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 9 năm 1975.

297. Liệt sĩ: Kim Phai*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1988.

298. Liệt sĩ: Võ Văn Lân*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1948.

299. Liệt sĩ: Thạch Hương*

Bí thư xã, nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1965.

300. Liệt sĩ: Thạch Phone*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 9 năm 1980.

301. Liệt sĩ: Thạch Sơ Phiếp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1986.

302. Liệt sĩ: Lê Văn Công*

Cán bộ ban binh vận huyện, nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969.

303. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cẩm*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1976.

304. Liệt sĩ: Phạm Văn Chánh*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1948.

305. Liệt sĩ: Trần Văn Dừa*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1965.

306. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Đạt*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1970.

307. Liệt sĩ: Thạch Giang*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 6 năm 1987.

308. Liệt sĩ: Huỳnh Ngọc Xin*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1987.

309. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Kinh*

Trưởng ban cán sự ấp, nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1973.

310. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Giát (Sáu Việt)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1969.

311. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kiệt*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1963.

312. Liệt sĩ: Trần Văn Thi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1986.

313. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé*

Nhân viên sửa chữa vô tuyến tỉnh, nguyên quán: xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1972.

314. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoàng*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 11 năm 1953.

315. Liệt sĩ: Trần Thành Châu*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 4 năm 1968.

316. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Dung*

Chiến sĩ liên lạc, nguyên quán: xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968.

317. Liệt sĩ: Phạm Văn Chương*

Cứu thương xã, nguyên quán: xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1973.

318. Liệt sĩ: Võ Thị Xâm*

Tổ trưởng giao bưu huyện, nguyên quán: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1963.

319. Liệt sĩ: Lê Văn Thoi*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Vĩnh, Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969.

320. Liệt sĩ: Trần Văn Minh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1986.

321. Liệt sĩ: Huỳnh Thế Hiến*

Cán bộ đoàn văn công huyện, nguyên quán: xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1972.

322. Liệt sĩ: Nguyễn Công Bình*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1988.

323. Liệt sĩ: Lương Văn Đồ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1987.

324. Liệt sĩ: Nguyễn Hiếu Vĩnh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 5 năm 1987.

325. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quang*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1988.

326. Liệt sĩ: Thạch Xương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1987.

327. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khanh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1980.

328. Liệt sĩ: Lê Thị Cúc*

Chiến sĩ Bưu vận tỉnh, nguyên quán: xã Hùng Hòa, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969.

329. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lạc*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã An Thạnh Nhì, huyện Long Phú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1971.

330. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồng*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã An Thạnh Nhì, huyện Long Phú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1971.

331. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ứng*

Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970.

332. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lữ*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969.

333. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ôn*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 1987.

334. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Trong*

Áp đội phó, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1966.

335. Liệt sĩ: Đinh Văn Út*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 5 năm 1989.

336. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1983.

337. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Triều*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 1976.

338. Liệt sĩ: Kiến Văn Niều*

Thư ký xã đội, nguyên quán: xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 1976.

339. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Liệt*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1969.

340. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Rót*

Thư ký xã đội, nguyên quán: xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1952.

341. Liệt sĩ: Ngô Văn Liêm*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1976.

342. Liệt sĩ: Trần Văn Thành (Hồng)*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1968.

343. Liệt sĩ: Lê Văn Cu*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968.

344. Liệt sĩ: Trầm Sân*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1965.

345. Liệt sĩ: Trang Văn Cảnh*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1963.

346. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tân*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, 16 tháng 4 năm 1961.

347. Liệt sĩ: Phạm Văn Lứ*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973.

348. Liệt sĩ: Thạch Sone*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 1987.

349. Liệt sĩ: Hứa Văn Ân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1986.

350. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năm*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1966.

351. Liệt sĩ: Lê Văn Nghiệp*

Phó Bí thư xã đoàn, nguyên quán: xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1962.

352. Liệt sĩ: Trương Văn Khánh*

Công an huyện, nguyên quán: xã An Thạnh II, huyện Long Phú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970

353. Liệt sĩ: Lê Thị Thanh Vân*

Cán bộ tiểu ban báo chí tỉnh, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1972.

354. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cương*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Trường Long Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951.

355. Liệt sĩ: Phan Văn Thê*

Chiến sĩ tiếp lương, nguyên quán: xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952.

356. Liệt sĩ: Thạch Ngọc Kiên*

Cán bộ ban khu vận tỉnh, nguyên quán: xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970

357. Liệt sĩ: Thạch Phưong*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 6 năm 1981.

358. Liệt sĩ: Sơn Thu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 1988.

359. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tàn*

Cán bộ an ninh huyện, nguyên quán: xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1969.

360. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Út (Việt)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968.

361. Liệt sĩ: Lâm Văn Mao*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1985.

362. Liệt sĩ: Kim Hiệp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 11 năm 1984.

363. Liệt sĩ: Lâm Văn Đen*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1984.

364. Liệt sĩ: Thạch Thanh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 11 năm 1988.

365. Liệt sĩ: Chung San*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1953.

366. Liệt sĩ: Kim Đông*

Công an huyện, nguyên quán: xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969.

367. Liệt sĩ: Kim Nhứt (Năm Hoàng)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1964.

368. Liệt sĩ: Phạm Văn Sánh (Sáu Sánh)*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 10 năm 1976.

369. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đức*

Thương binh 4/8, nguyên quán: xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 6 tháng 11 năm 1981.

370. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dê*

Đội bảo vệ trường đảng Hoàng Văn Thụ, nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972.

371. Liệt sĩ: Trần Văn Nhiều*

Phó ban cán sự ấp, nguyên quán: xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1964.

372. Liệt sĩ: Kim Thành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 12 năm 1978.

373. Liệt sĩ: Dương Văn Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Mỹ Tiến, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 1981.

374. Liệt sĩ: Võ Văn Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, 28 tháng 5 năm 1987.

TỈNH VĨNH PHÚC

375. Liệt sĩ: Đỗ Viết Mão

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 12 năm 2014.

376. Liệt sĩ: Hoàng Trọng Hải

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 6 năm 2012.

377. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ninh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 2012.

378. Liệt sĩ: Ngô Đức Hạnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 01 năm 2015.

379. Liệt sĩ: Dương Văn Lộc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Cao Minh, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 6 năm 2012.

380. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Bình

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 65%), nguyên quán: xã Tích Sơn, huyện Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 2014

381. Liệt sĩ: Nguyễn Phi Pháo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 2013./.